TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Cao Việt T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Q trình bày: Vào năm 1994 chị và anh Cao Việt T chung sống như vợ chồng, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên tranh cải với nhau. Từ đó, giữa vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau và không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Việt T. Về con chung, có hai người tên là Cao Ngọc T (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Cao Việt A (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 4 năm 2005. Đối với Cao Ngọc T đã thành niên và có khả năng tự lao động nên chị không yêu cầu giải quyết. Riêng Cao Việt A hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Cao

Việt T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Việt T trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như chị Nguyễn Thị Q đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Q. Con chung, đúng như chị Nguyễn Thị Q đã trình bày, anh chấp nhận giao Cao Việt A cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung. Về án phí buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Q xin ly hôn anh Cao Việt T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung có hai người tên là Cao Ngọc T (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Cao Việt A (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 4 năm 2005. Đối với Cao Ngọc T đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét. Chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T thống nhất thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi Cao Việt A và anh Cao Việt T không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T là có căn cứ.

[4] Chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Q chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T là vợ chồng.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Nguyễn Thị Q chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Cao Việt A (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 4 năm 2005. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Cao Việt T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007279, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Cao Việt T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương